

Name: \_\_\_\_\_  
Class: GOLD A2+

Date: .../.../ 20...  
Tel: 038 255 2594

**GOLD EXPERIENCE A2+: UNIT 9 – WHAT’S YOUR IDEA OF FUN?**  
**VOCABULARY REVISION**

**A. NEW LESSON**

| No. | New words                    | Meanings                                         | No. | New words                                     | Meanings                            |
|-----|------------------------------|--------------------------------------------------|-----|-----------------------------------------------|-------------------------------------|
| 1   | <b>recommend</b> (v)         | đề nghị, giới thiệu, tiến cử                     | 27  | <b>creative</b> (adj)                         | sáng tạo                            |
| 2   | <b>app</b> (n)               | ứng dụng                                         | 28  | <b>take part in</b> = <i>participate in</i>   | tham gia vào (cuộc thi,...)         |
| 3   | <b>developer</b> (n)         | lập trình viên                                   | 29  | <b>ordinary</b> (adj)                         | bình thường                         |
| 4   | <b>refuse to V</b> (v)       | từ chối                                          | 30  | <b>accept</b> (v)                             | chấp nhận                           |
| 5   | <b>without</b> (prep)        | thiếu, không có                                  | 31  | <b>increase</b> (n) ><<br><b>decrease</b> (n) | sự tăng trưởng >< sự giảm sút       |
| 6   | <b>rely on st/sb</b> (phr.v) | dựa vào việc gì/ai đó                            | 32  | <b>increase</b> (v) ><<br><b>decrease</b> (v) | tăng lên >< giảm xuống              |
| 7   | <b>entertainment</b> (n)     | sự giải trí, buổi biểu diễn                      | 33  | <b>be keen on</b>                             | yêu thích, say mê                   |
| 8   | <b>costume</b> (n)           | trang phục                                       | 34  | <b>give (a) preference</b>                    | ưu ái, đối đãi tốt                  |
| 9   | <b>stare at st/sb</b> (v)    | nhìn chăm chăm vào cái gì/ai đó                  | 35  | <b>virtual</b> (adj)                          | không thực, ảo                      |
| 10  | <b>awful</b> (adj)           | đáng sợ, khủng khiếp                             | 36  | <b>director</b> (n)                           | người quản lý, giám đốc             |
| 11  | <b>make up one’s mind</b>    | suy xét để đưa ra quyết định                     | 37  | <b>buster</b> (n)                             | kẻ phá hoại                         |
| 12  | <b>dull</b> (adj)            | buồn tẻ, chán ngắt                               | 38  | <b>fantastic</b> (adj)                        | tuyệt vời                           |
| 13  | <b>suffer</b> (v)            | chịu đựng, trải qua                              | 39  | <b>election</b> (n)                           | cuộc bầu cử                         |
| 14  | <b>personal</b> (adj)        | thuộc về cá nhân                                 | 40  | <b>go on strike</b>                           | đình công                           |
| 15  | <b>generally</b> (adv)       | nói chung, thông thường                          | 41  | <b>on demand</b>                              | theo yêu cầu                        |
| 16  | <b>beep</b> (v)              | bóp còi, kêu bíp bíp                             | 42  | <b>connection</b> (n)                         | sự kết nối                          |
| 17  | <b>cache</b> (n)             | nơi giấu, trữ (lương thực, đạn dược, vũ khí,...) | 43  | <b>geocaching</b> (n)                         | trò chơi đi tìm kho báu             |
| 18  | <b>representative</b> (n)    | người đại diện                                   | 44  | <b>offer</b> (v)                              | đưa ra đề nghị, cung cấp, biếu tặng |
| 19  | <b>podcast</b> (n)           | tệp âm thanh kỹ thuật số                         | 45  | <b>offer a choice</b>                         | đề xuất một lựa chọn                |

|    |                                     |                                    |    |                                 |                                      |
|----|-------------------------------------|------------------------------------|----|---------------------------------|--------------------------------------|
| 20 | <b>instead of V-ing/N</b>           | thay cho, thay vì                  | 46 | <b>statue (n)</b>               | bức/ pho tượng                       |
| 21 | <b>charge (v)</b>                   | nạp điện, giao nhiệm vụ, giao việc | 47 | <b>pastime (n)</b>              | trò tiêu khiển/ trò giải trí         |
| 22 | <b>dress up (phr.v)</b>             | diện quần áo đẹp                   | 48 | <b>give st a go = try V-ing</b> | thử làm gì đó                        |
| 23 | <b>advert = advertisement (n)</b>   | quảng cáo, tờ quảng cáo            | 49 | <b>leave st</b>                 | để lại (thứ gì đó)                   |
| 24 | <b>comic con – comic convention</b> | hội thảo truyện tranh              | 50 | <b>demand (n)</b>               | nhu cầu, sự yêu cầu                  |
| 25 | <b>autograph (n)</b>                | chữ kí                             | 51 | <b>social media</b>             | phương tiện truyền thông mạng xã hội |
| 26 | <b>fantasy (n)</b>                  | truyện thể loại kỳ ảo, hư cấu      | 52 | <b>creativity (n)</b>           | tính/ óc sáng tạo                    |

**\*Note:**

*n = N = noun: Danh từ;*

*v = V = verb: Động từ;*

*V-ing: Danh động từ;*

*adj = adjective: Tính từ;*

*adv = adverb: Trạng từ;*

*prep = preposition: Giới từ;*

*phr.v = phrasal verb: Cụm động từ.*

**\*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.**

## B. HOMEWORK

### I. Match the words with their appropriate definitions

| Words                        | Definitions                                                                                                         |
|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <del>0. representative</del> | <del>a. a person who has been chosen to speak or vote for somebody else or for a group of people</del>              |
| 1. fantastic                 | b. to say 'yes' to an offer, invitation, etc.                                                                       |
| 2. increase                  | c. to become greater in amount, number, value, etc.                                                                 |
| 3. accept                    | d. to tell somebody that something is good or useful, or that somebody would be suitable for a particular job, etc. |
| 4. awful                     | e. extremely good; excellent                                                                                        |
| 5. recommend                 | f. very bad or unpleasant                                                                                           |
| 6. connection                | g. a figure of a person or an animal in stone, metal, etc., usually the same size as in real life or larger         |
| 7. statue                    | h. something that connects two facts, ideas, etc.                                                                   |

|      |    |    |    |    |    |    |    |
|------|----|----|----|----|----|----|----|
| 0- a | 1- | 2- | 3- | 4- | 5- | 6- | 7- |
|------|----|----|----|----|----|----|----|

## II. Rearrange the words/ phrases to make meaningful sentences

0. motivation / They / study. / to / lack

→ They lack motivation to study.

1. little girl. / He / for / his autograph / signed / the

→ He signed the little girl's autograph for her.

2. playing video games. / Let's / a walk / for / go / instead of

→ Let's go for a walk instead of playing video games.

3. vote / I / in / didn't / election. / the

→ I didn't vote in the election.

4. listen / this / You / to / should / podcast, / it's / interesting. / very

→ You should listen to this podcast, it's very interesting.

5. can / in / Life / be / a small town / dull. / quite

→ Life can be quite dull in a small town.

## III. Choose the correct answer

0. She doesn't \_\_\_\_\_ arrive until 10 p.m.

A. virtual

B. normally

C. fantasy

1. I saw a lot of \_\_\_\_\_ for this product.

A. advertisements

B. advert

C. directors

2. I don't think you should eat that soup. It smells \_\_\_\_\_.

A. creative

B. awful

C. virtual

3. An ambulance driver must drive carefully and \_\_\_\_\_ the horn (*còi*) to warn people.

A. charge

B. accept

C. beep

4. It's rude to \_\_\_\_\_ at people.

A. stare

B. offer

C. argue

5. James invited his friends for a \_\_\_\_\_.

A. creative

B. costume

C. sleepover

## IV. Find the given words in the puzzle

|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| T | E | N | T | E | R | T | A | I | N | M | E | N | T |
| S | T | A | A | E | N | T | P | S | E | A | P | D | A |
| Y | G | E | E | E | A | D | P | P | A | P | E | N | U |
| C | N | A | R | I | A | O | R | C | N | O | R | A | T |
| Y | I | A | G | L | T | P | O | E | P | O | S | O | O |
| O | H | F | T | E | R | C | N | E | T | N | O | M | G |
| R | C | A | Y | S | N | E | O | C | N | I | N | O | R |
| D | A | N | D | A | A | E | E | S | N | A | A | M | A |
| I | C | T | E | P | Y | R | R | C | T | E | L | A | P |
| N | O | A | M | E | I | I | A | A | O | U | E | E | H |
| A | E | S | A | D | N | N | A | C | L | H | M | R | A |
| R | G | Y | N | N | T | A | I | H | L | L | H | E | Y |
| Y | E | E | D | T | E | R | G | E | S | O | Y | E | Y |
| E | E | E | G | L | A | C | L | D | N | E | N | M | O |

GENERALLY  
AUTOGRAPH  
CACHE  
GEOCACHING  
FANTASY  
PERSONAL  
APP  
DEMAND  
DIRECTOR  
ORDINARY  
ENTERTAINMENT  
COSTUME

**Part 2**

**Questions 6–10**

The young people below all want to do an art course during their school holidays.  
On the opposite page there are descriptions of eight short art courses.  
Decide which course would be the most suitable for the following people.  
For questions 6–10, mark the correct letter (A–H) on your answer sheet.

6



Alice wants a course to help her with her drawing skills, particularly with drawing the latest styles of clothes, shoes and bags, because she wants to study this later at college.

7



Darius loves making comic books, but isn't confident about his drawing. He wants to draw superheroes and animals and create adventures about them, but doesn't want to display his work.

8



Cassie enjoys making pictures and objects from different materials. During the course she'd like to use her love of sport in her designs, and visit an exhibition to get new ideas.

9



Marc is talented at drawing, but also likes filming his friends on an old digital camera. He wants to develop this skill by learning to use more advanced equipment, and prepare for further study.

10



Harry has done a course about printing on paper, and would like to learn how to print on other materials. He also wants to produce something to take home and wear.

## Short Art Courses

- A Wild Art** This course concentrates on teaching drawing and painting, and you'll use your new skills to make a wall poster on the theme of animals, to take home. And we've got lots of picture books from galleries around the world to give you ideas! There'll be an exhibition of everyone's work at the end, too.
- B Colourscape** Come and make a bag to keep your school games clothes in! We supply lots of colourful wool and printed cotton – you choose the design and colour (like your favourite football or hockey team colours!). There'll also be a trip to a gallery to help you get creative in your designs.
- C Create!** This course is all about telling good stories in pictures. There'll be cartoon films to watch, and instruction in how to draw your favourite characters – but your imagination is much more important than your drawing skills here! The course includes a visit to a cartoon museum.
- D Art Attack** You'll work on developing creative skills, like printing, photography, cartoons and movie-making, using the latest technology. This course is great for anyone wanting to take these subjects at college. Good drawing skills are helpful on this course, and students' work will be put into a book, where suitable, for everyone to buy.
- E Art Matters** This course will concentrate on different drawing techniques, including using inks and colour. We'll get you to draw live models wearing designer fashions and sportswear – so if you like designing fashion and think your future is in this area, then this course is for you!
- F Art Magic** This fun course shows you how to design and make fashion jewellery from natural materials, and particularly how to use photography to help you get ideas for your designs. So if you have your own camera, bring it along!
- G Arts Centre** Ever wondered what your comic stories would look like on film? Here's your chance to find out! Bring along your own comic drawings or prints – good-quality ones if possible – and we'll transfer the action from your page onto the screen! Film show of the best cartoons at the end!
- H Rainbow** Bring along a clean white T-shirt for this fun course! Using printing inks and paints, we'll show you how to transfer a picture onto your T-shirt and create a special artwork that you can put on for everyone to admire!

Con làm bài nghe theo link sau (18p48s – 23p21s): [https://www.youtube.com/watch?v=SAWP\\_OYhMFQ](https://www.youtube.com/watch?v=SAWP_OYhMFQ)

### Part 3

#### Questions 14–19

You will hear a man called Ben, from a young people's organisation, telling a youth group about a course they can do on Saturdays.

For each question, fill in the missing information in the numbered space.

## Saturday course

Name of Ben's organisation: (14) .....

Aim of course: Discovering (15) .....

Closest course location for this group: (16) .....

Length of course: (17) ..... weeks

Examples of activities we will do:

- Learn how to climb
- Cut up wood
- Make a (18) .....
- Design a (19) ..... to take home.

## PART 2 Questions 7-13

For each question, choose the correct answer.

|                                                        | Andrew | Peter | Ben |
|--------------------------------------------------------|--------|-------|-----|
| 7. Which person may need to take an umbrella?          | A      | B     | C   |
| 8. Which person likes blue more than any other colour? | A      | B     | C   |
| 9. Which person will need warm clothes during the day? | A      | B     | C   |
| 10. Which person will have to take his passport?       | A      | B     | C   |
| 11. Which person might see some dolphins on holiday?   | A      | B     | C   |
| 12. Which person is flying for the first time?         | A      | B     | C   |
| 13. Which person is not going on holiday with his dad? | A      | B     | C   |

### Three teenagers talk about their holiday

Andrew



Today our teacher asked us where we are going on holiday and what we are taking with us. I'm going to the beach with both my parents. I don't need my passport. It will be very hot, so I am taking my swimming costume and a big towel but not an umbrella. I like my blue towel, it's my favourite colour. My friend told me to take my camera because you can sometimes see dolphins. I will also take my sweater as it sometimes gets cold at night.

Peter



My teacher asked me about my holiday. I'm going to a house in the mountains with my uncle and aunt. It will be very cold all the time, so I will take my favourite blue scarf and gloves. My aunt said there will be a lot of snow. We are going there because my uncle likes snowboarding. I am excited because I will go on a helicopter again. We are going to the top of the mountain. I must take my trainers and a good hat!

Ben



I told our teacher that I'm going on holiday to the forests in Germany with my father and my brother. This will be the first time I go on an airplane. We will go to the airport two hours before the flight. My mum says it rains a lot in the area we are going to. So, I'll take my blue raincoat which has a picture of a dolphin on it and possibly an umbrella. I will also take my yellow boots and, of course, my passport.

## MINI TEST

### I. Write the correct English meaning of the word or phrase

| Vietnamese             | English     |
|------------------------|-------------|
| 0. vở kịch             | <i>play</i> |
| 1. biểu diễn           |             |
| 2. trả toàn bộ chi phí |             |
| 3. đồ vui              |             |
| 4. sạc điện thoại      |             |
| 5. có tính hợp tác     |             |
| 6. dép tông            |             |
| 7. đóng vai            |             |
| 8. nước ngoài          |             |
| 9. có sẵn              |             |
| 10. nhân viên hải quan |             |

### II. Choose the correct answer by circling A, B or C

0. The boat was carrying more than 100 \_\_\_\_.
- (A) *passengers*      B. *platforms*      C. *attractions*
1. Is there a(n) \_\_\_\_ type of book he enjoys?
- A. electronic      B. bold      C. particular
2. They are \_\_\_\_ against teams of full-time professional players.
- A. paying      B. competing      C. reaching
3. I finished several days ahead \_\_\_\_ the deadline.
- A. on      B. of      C. at
4. She is really \_\_\_\_ playing video games.
- A. onto      B. upto      C. into
5. She's \_\_\_\_ at making cheap but stylish clothes.
- A. guard      B. expert      C. available
6. Saturday promises to be a(n) \_\_\_\_ for Irish sport.
- A. big day      B. option      C. limit
7. A pedestrian \_\_\_\_ appeared in front of the taxi.
- A. suddenly      B. once      C. weekly
8. Just point the \_\_\_\_ camera and press the button.
- A. electronic      B. digital      C. abroad